

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2021

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tòa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Thành

Ông Phạm Văn Giới

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B: Ông Lê Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST – HN&GD ngày 05 tháng 04 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1985***

Trú tại: Tổ 6, ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, huyện Đ, tỉnh B (có mặt).

****Bị Đơn: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1988***

Trú tại: Tổ 6, ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu Th và ông Huỳnh Minh H kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh B. Trong thời gian chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay thì vợ chồng sống không có hạnh phúc mà thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống, ông H hay nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Bà Lê Thị Thu Th xác định tình cảm mà bà Th dành cho anh H đã thực sự hết, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân giữa hai người thì cũng không còn ý nghĩa gì. Vì vậy, bà Th yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống Bà Lê Thị Thu Th và ông Huỳnh Minh H có 02 người con chung là Huỳnh Thụy Ngọc Hân, sinh ngày 16/10/2010 và Huỳnh Thụy Thùy Vân, sinh ngày 16/4/2016. Khi ly hôn bà Th có yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Thụy Thùy Vân, còn cháu Huỳnh Thụy Ngọc Hân giao cho ông Hiên nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Toà phiên toà, bà Lê Thị Thu Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 07 năm 2021, bị đơn ông Huỳnh Minh H trình bày: ông H và bà Th kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh B. Trong thời gian chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Th và ông H có 02 người con chung là Huỳnh Thụy Thùy V, sinh ngày 16/4/ 2016 và Huỳnh Thụy Ngọc H1 sinh ngày 16/10/2010, khi ly hôn ông H có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thụy Ngọc H1 và giao cho bà Lê Thị Thu Th nuôi cháu Huỳnh Thụy Thùy V.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Minh H xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục nhận đơn và thụ lý giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định về quá trình việc, bị đơn ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Th và bị đơn ông H có đăng ký kết hôn theo quy định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, nay bà Th có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình thu thập chứng nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, ông H cũng đồng ý ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

+ Về con chung: Quá trình chung sống bà Lê Thị Thu Th và ông Huỳnh Minh H có 02 người con chung là Huỳnh Thụy Ngọc Hân, sinh ngày 16/10/2010 và Huỳnh Thụy Thùy V, sinh ngày 16/4/ 2016, khi ly hôn đương sự đã thống nhất bà Th trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thụy Thùy V và ông H trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thụy Ngọc H1. Xét thấy cháu H1 đã trên 7 tuổi và quá trình làm việc cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với ông H do đó cần tôn trọng ý kiến của cháu H1. Do đó đề

ngợi giao cháu H1 cho ông H nuôi dưỡng và giao cháu V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Viện kiểm sát, các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Thu Th yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Minh H. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Huỳnh Minh H hiện cư trú tại: Tổ 6, ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, huyện Đ, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Huỳnh Minh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu Th và ông Huỳnh Minh H kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, thành phố X, tỉnh B. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống thì giữa bà Th và ông H sống với nhau không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, dẫn đến thường hay cãi vã, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Th và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lê Thị Thu Th yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Minh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống Bà Lê Thị Thu Th và ông Huỳnh Minh H có 02 người con chung là Huỳnh Thụy Ngọc H1, sinh ngày 16/10/2010 và Huỳnh Thụy Thùy V, sinh ngày 16/4/2016, khi ly hôn bà Th và ông H đều thống nhất giao cháu Huỳnh Thụy Ngọc H1 cho ông H nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Thị Thùy V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Hân đã trên 7 tuổi và quá trình làm việc cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với ông H do đó cần tôn trọng ý kiến của cháu H1. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận và cần giao cháu Hân cho ông H nuôi dưỡng và giao cháu V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu Th được ly hôn với ông Huỳnh Minh H.

[2] Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thụy Ngọc H1, sinh ngày 10/10/2010 cho ông Huỳnh Minh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Huỳnh Thụy Thùy Vân, sinh ngày 16/4/2016 cho bà Lê Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Th, ông H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết

[3] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004702, quyển số 0095 ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

[5] Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND P. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Minh- Lê Quang Thìn

Võ Quang Dũng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

- THA huyện Đ;
- UBND xã tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Quang Dũng